

Bản án số: **90/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/4/2022

V/v: “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hà Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Đinh Công Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02/3/2022 và ngày 27/4/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2161/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022, Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 77/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02/3/2022, Thông báo dời thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 988/TB-TA ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H, sinh năm 1982

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1984

Cùng cư trú: tổ 13, khu phố 2, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

(Chị H có mặt, anh M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh M tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chung sống chị và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp, không

có tiếng nói chung, anh M không quan tâm, lo lắng cho hai con, con đau ốm anh cũng không khi nào hỏi han hay chăm con, một mình chị phải cắng đáng kinh tế gia đình, sắp xếp lo cho con từ chuyện học hành đến sinh hoạt, đưa đón con đi học, anh M không phụ giúp được gì. Mặt khác anh còn thường xuyên bỏ nhà đi, chị cũng không biết anh bỏ đi đâu làm gì, khi về nhà vợ chồng chị cũng không nói chuyện với nhau, việc ai nấy làm, không quan tâm lo lắng cho nhau. Nay xét tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Văn M, chị không muốn đoàn tụ vì thời gian qua vợ chồng chị đã nhiều lần bàn bạc hòa giải với nhau nhưng không được.

Về con chung : chị Hoa, anh M có 02 con chung tên :

- Cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/02/2006.
- Cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 20/4/2012.

Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Ngọc Ánh, sinh ngày 20/4/2012, cháu Nguyễn Hoàng Tú, sinh ngày 21/02/2006, không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn M trình bày tại các bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà:

Anh và chị Phạm Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai vào năm 2005. Trong quá trình chung sống anh và chị H sống cuộc sống bình thường. Tuy nhiên từ cuối năm 2016 sau khi làm nhà cửa xong kinh tế khó khăn, công việc của anh không được tốt thì vợ chồng không được như trước, chị H thiếu sự quan tâm đến gia đình, nhà cửa, con cái, vì vậy hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Đối với yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hanh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị Hoa, và mong muốn con cái có một gia đình đầy đủ.

Về con chung : chị Hoa, anh M có 02 con chung tên :

- Cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/02/2006.
- Cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 20/4/2012.

Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Ngọc Ánh, chị H được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Tú, không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Nợ chung : Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Hyêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M là có cơ sở chấp nhận vì cả chị H và anh M đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hoà giải hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc Ánh, sinh ngày 20/4/2012, cháu Nguyễn Hoàng Tú, sinh ngày 21/02/2006 cho chị Phạm Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời anh M không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Nợ chung: Các bên khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn M, căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định chị Phạm Thị H là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn M là bị đơn trong vụ án.

Theo biên bản xác minh ngày 12/01/2022 tại tổ 13, khu phố 2, phường Long Bình bị đơn anh Nguyễn Văn M sinh sống tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về thủ tục tố tụng khác: Tại phiên toà ngày 02/03/2022 bị đơn anh M có mặt, tuy nhiên tại phần thủ tục bị đơn có yêu cầu Hội đồng xét xử thay đổi Chủ tọa phiên toà, lý do bị đơn đưa ra là do trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán chủ tọa phiên toà không khách quan, không hoà giải cho vợ chồng anh được đoàn tụ, giao con gái cho vợ nuôi sẽ dẫn đến việc sau này khi chị H lấy chồng, bố dượng sẽ hành hạ con gái anh như những sự kiện báo chí nhắc gần đây. Sau khi xem xét yêu cầu của bị đơn, nghe ý kiến của Thẩm phán chủ tọa phiên toà, căn cứ vào Điều 52 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không

chấp nhận yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bị đơn và tiếp tục phiên toà. Anh M không đồng ý và tự ý bỏ về. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 15, khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên toà ngày 27/4/2022 bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Nội dung vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn M tự nguyện kết hôn vào năm 2005 tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Chị H và anh M đều thừa nhận sau khi đăng ký kết hôn thì vợ chồng sống hạnh phúc sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quý trọng chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hoà ngày 12/01/2022 cung cấp như sau: “Về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh M địa phương chỉ biết khoảng 01 năm nay anh M không thường xuyên có mặt tại địa phương, anh M mới về nhà, còn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị H và anh M thì địa phương không biết vì chị H và anh M không có đơn đề nghị địa phương hoà giải”. Tại bản tự khai ngày 04/01/2022 cháu Nguyễn Hoàng Tú, sinh năm 2006 có lời khai “Quá trình chung sống con thấy bố mẹ có mâu thuẫn, mẹ và bố không nói chuyện với nhau, mệnh ai nấy sống, bố đã bỏ nhà đi gần 01 năm nay mới về nhà và khi về nhà cũng không thấy bố mẹ nói chuyện với nhau”. Như vậy, thể hiện việc mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh M là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng chị H vẫn cương quyết ly hôn do không còn tình cảm gì với anh M nữa. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- **Về con chung:** Trong quá trình chung sống chị H và anh M có 02 con chung cụ thể:

1. Cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/02/2006,
2. Cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 20/4/2012.

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á, anh M nuôi dưỡng chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng T, không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên toà ngày 02/3/2022 chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu được nuôi

dưỡng hai cháu Á và T, tạm thời anh M không cấp dưỡng. Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Ngọc Ánh, sinh ngày 20/4/2012, chị Hnuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Hoàng Tú, sinh ngày 21/02/2006, tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên toà, cho thời hạn để các bên cung cấp chứng cứ chứng minh về điều kiện nuôi con. Tuy nhiên chỉ có chị Hcung cấp cho Toà án bảng lương, thu nhập có xác nhận của cơ quan quản lý lao động, anh M không cung cấp chứng cứ cho Toà án theo quy định.

Căn cứ vào chứng cứ chứng minh thu nhập, bảng lương, hợp đồng lao động thì hiện nay chị Hđang là nhân viên tạp vụ cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ tổng hợp Tâm An Phát và Trường THCS Hoàng Văn Thụ với tổng thu nhập mỗi tháng là 15.911.700 đồng. Phía anh M không cung cấp chứng cứ chứng minh thu nhập theo yêu cầu của Toà án nên xem như anh M đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ có tại hồ sơ để đánh giá.

Tại phiên toà, chị Hxác định cháu Tú và cháu Ánh hiện nay đang ở với chị, với mức lương 15.911.700 đồng chị có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con và chăm sóc con, ngoài ra trong gia đình chị cũng là người thường xuyên đưa đón con đi học, anh M thường đi làm xa, ít khi về nhà. Tại bản tự khai ngày 04/01/2022 cháu Tú và cháu Ánh đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy, nguyện vọng của hai cháu là hoàn toàn chính đáng do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Hoa, giao cháu Nguyễn Hoàng T, cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á cho chị Hnuôi dưỡng, vì chị Hkhông yêu cầu anh M cấp dưỡng nên tạm thời anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Anh M được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

- **Về nợ chung:** Các đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị Hphải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 68, 70, 228, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng vào các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Áp dụng các Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83, 84 khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hối với bị đơn anh Nguyễn Văn M về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hoa.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** xử cho chị Phạm Thị Hối ly hôn anh Nguyễn Văn M.

2. **Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Phạm Ngọc Á, sinh ngày 20/4/2012, cháu Nguyễn Hoàng T, sinh ngày 21/02/2006 cho chị Phạm Thị Hối trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời anh M không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Hối và anh M vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên, cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. **Về tài sản chung:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. **Về nợ chung :** Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. **Về án phí:** Chị Phạm Thị Hối phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000653 ngày 09/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

6. **Về quyền kháng cáo:** Chị Phạm Thị Hối quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án

dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa
- UBND nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Hà Vân